

Phụ lục III
THÔNG TIN CÁC ĐIỂM MỎ ĐÃ CÓ KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI NĂM 2026 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Thông báo số 80/TB-TTĐVĐGTSQN ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản Quy Nhơn)

STT	Loại Khoáng sản	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰			Diện tích (ha)	Giá khởi điểm (đồng) (làm tròn)	Tiền đặt trước (đồng) (làm tròn)	Bước giá R _{bg} (%)	Mức thu tiền bán hồ sơ (đồng)
		Điểm góc	X (m)	Y (m)					
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(15)=(10)*(13)*(14)	(17)=(15)*30%	(18)=(15)*10%	(21)
1	Khu vực mỏ số 99 -Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường xã Phù Mỹ Tây	1	1.570.565	580.467	2.41	4,058,000,000	1,217,400,000	405,800,000	200,000
		2	1.570.570	580.603					
		3	1.570.328	580.550					
		4	1.570.378	580.476					
		5	1.570.473	580.425					
		6	1.570.491	580.503					
2	Khu vực mỏ số 100 -Mỏ cát xây dựng tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh	1	1.519.976	592.382	3.8	385,000,000	192,500,000	38,500,000	100,000
		2	1.519.955	592.240					
		3	1.519.797	591.945					
		4	1.519.759	591.968					
		5	1.519.795	592.124					
		6	1.519.910	592.397					